

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/HS-ST
Ngày 26-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUÂN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hôi thâm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Bùi Văn Khương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quân Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kiều Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/TLST-HS, ngày 10 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/HSST-QĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. NVT, sinh ngày 17-3-1982 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D và bà E; có vợ là F (đã ly hôn năm 2017), có hai con: Con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án: Bản án Hình sự sơ thẩm số 59/2015/HSST ngày 23-4-2015, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù về Tội mua bán trái phép hóa đơn, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17-6-2021 đến ngày 26-6-2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

2. TVT, sinh ngày 10-10-1985 tại Nghệ An; ĐKNKTT: G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông J và bà K; có vợ là NLC2 (đã ly hôn năm 2017); có hai con: Con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

3. DTH, sinh ngày 06-02-1984 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: Số nhà L, đường M, tổ N, phường O, quận P, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Q và bà R; có chồng là S; có hai con: Con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21-7-2021 đến ngày 26-7-2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

4. NTT, sinh ngày 05-11-1988 tại Thái Bình; ĐKNKTT: Số nhà T, đường U, phường V, quận W, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Số nhà 19/280, đường X, phường V, quận W, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y và bà Z; có chồng là AA; có một con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25-3-2021 đến ngày 01-4-2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

5. NTHL, sinh ngày 02-7-1989 tại Thanh Hóa; ĐKNKTT: Xã AB, huyện AC, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Thôn AD, xã AE, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông AF và bà AG; có chồng là AH; có hai con: Con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị NLC1 và chị NLC2; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24-3-2021, NTT đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng tự thú và khai nhận về hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT). Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của NTT và thu giữ 04 dấu tròn của 04 công ty gồm: Công ty Cổ phần AI (viết tắt là Công ty AI); Công ty Cổ phần AJ (viết tắt là Công ty AJ); Công ty trách nhiệm hữu hạn AK (viết tắt là Công ty AK) và Công ty trách nhiệm hữu hạn AL (viết tắt là Công ty AL); 01 dấu chức danh chủ tịch Hội đồng quản trị; 04 dấu chức danh Giám đốc; 27 hóa đơn liên 2 của các công ty gồm: Công ty Cổ phần AM (viết tắt là Công ty AM); Công ty AN (viết tắt là Công ty AN); Công ty trách nhiệm hữu hạn AO (viết tắt là Công ty AO) và Công ty trách nhiệm hữu hạn AP (viết tắt là Công ty AP). Tiến hành mở rộng điều tra liên quan đến hành vi của NTT và các công ty nói trên, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với NTHL. Đến ngày 17-6-2021 NTT đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Ngày 26-7-2021 DTH đến đầu thú và khai nhận có liên quan đến việc mua bán trái phép hóa đơn. Ngày 15-11-2021 TVT đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp các tài liệu hóa đơn,

chứng từ liên quan đến việc mua bán trái phép hóa đơn. Trên cơ sở kết quả điều tra vụ án, hành vi của các bị cáo thể hiện như sau:

Về hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của DTH:

Tháng 5-2019 DTH mua Công ty AJ, mã số thuế (viết tắt là MST): 0200729022, trụ sở: Số AQ, AR, AS, Hải Phòng do AT, sinh năm 1953, hộ khẩu thường trú: Số AU, P, Hải Phòng làm Giám đốc. Đến tháng 01-2020 DTH tiếp tục mua Công ty AK, MST: 0201038980, trụ sở: Số AV, AS, Hải Phòng do AW, sinh năm 1967, ĐKKHTT: Số AX, X, W, Hải Phòng là Giám đốc của một người phụ nữ tên AY (hiện không rõ nhân thân và lai lịch) với giá 50 triệu đồng/01 công ty để hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ. AY thỏa thuận DTH phải trả thêm số tiền thuế mà AY đã bỏ ra nộp vào ngân sách Nhà nước cho hai công ty trên giai đoạn trở về trước. AY giao tài liệu của mỗi công ty gồm: 01 dấu tròn công ty, 01 dấu chức danh Giám đốc, 01 con dấu chữ ký Giám đốc, 01 USB Token, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quyền hóa đơn GTGT còn nguyên 03 liên chưa viết nội dung cho DTH.

DTH thuê NTT làm kế toán và giao cho NTT quản lý các đồ vật, tài liệu gồm dấu tròn, dấu chức danh Giám đốc của 02 Công ty trên, khi có yêu cầu viết hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa, dịch vụ thì DTH chỉ đạo NTT qua điện thoại, phần mềm Zalo hoặc phần mềm mạng xã hội khác để chuyển thông tin hóa đơn cần viết và cho xe ôm mang đến cho NTT các quyền hóa đơn GTGT để viết không nội dung hàng hóa, dịch vụ. DTH yêu cầu NTT ký giả chữ ký Giám đốc vào séc, giấy rút tiền, giấy giới thiệu, để trống phần nội dung của 02 Công ty trên, đóng dấu Công ty và ký giả chữ ký Giám đốc vào phía dưới ở bên trái hoặc phải của các tờ giấy A4 không có nội dung chuyển lại cho DTH kèm theo hóa đơn GTGT để DTH thực hiện hợp thức hóa hóa đơn GTGT đã bán trái phép.

Khi người mua hóa đơn có nhu cầu sẽ liên lạc với DTH qua điện thoại hoặc các phần mềm mạng xã hội như Zalo, Viber để gửi cho DTH nội dung cần ghi không. Sau khi chỉ đạo NTT hoàn thiện các tài liệu trên, DTH gửi hóa đơn GTGT đã được NTT viết không nội dung hàng hóa, dịch vụ, giấy có chữ ký không, séc, giấy rút tiền, giấy giới thiệu đã được NTT ký để trống phần nội dung cho các đối tượng mua hóa đơn qua xe ôm, xe khách hoặc Bưu điện và nhận tiền bán hóa đơn cũng qua các phương thức giao nhận như trên. Để hợp thức hóa các hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ, người mua hóa đơn tự in các tài liệu như: Hợp đồng mua bán, phiếu báo giá, bảng kê chi tiết hàng hóa, biên bản bàn giao hàng hóa, phiếu xuất kho... lên các tờ giấy có chữ ký không do DTH cung cấp. Để có chứng từ hợp thức hóa việc mua bán, DTH tự bỏ tiền và thuê người nộp vào tài khoản của Công ty do người mua hóa đơn chỉ định, sau đó sử dụng Ủy nhiệm chi (đã được ký, đóng dấu, để trống phần nội dung, do người mua hóa đơn cung cấp) viết nội dung và chuyển khoản số tiền vừa nộp từ tài khoản Ngân hàng của Công ty mua đến tài khoản Ngân hàng của Công ty AJ hoặc AK như chuyển khoản thanh toán mua bán hàng hóa có thật, để lấy chứng từ thanh toán, sau đó DTH nhờ NLC1, sinh năm 1986, ĐKKHTT: Tổ 1, thị trấn C, C, Hải Phòng, dùng séc, giấy

giới thiệu, hoặc giấy rút tiền của 02 Công ty thực hiện rút tiền từ tài khoản Ngân hàng ra đưa lại cho DTH để trả lại cho người mua hóa đơn. Một số lần khác theo yêu cầu của người mua hóa đơn, DTH gửi séc, giấy giới thiệu, giấy rút tiền đã được ký, đóng dấu để trống phần nội dung để người mua tự rút tiền sau khi chuyển khoản để lấy chứng từ thanh toán. DTH thỏa thuận với người mua khi rút tiền từ tài khoản Ngân hàng 02 công ty ra, người mua sẽ để lại tiền cho DTH nộp thuế và sẽ trừ vào số tiền người mua phải trả khi mua hóa đơn GTGT. Tại Cơ quan điều tra, DTH khai nhận đã bán trái phép hóa đơn cho một số người có tên “AZ”, “BA” và “BB” không rõ nhân thân, lai lịch với giá 3,1% giá trị thuế GTGT ghi không trên hóa đơn.

Đến kỳ kê khai báo cáo thuế và tình hình sử dụng hóa đơn, do 02 công ty không có hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ thật nên DTH chỉ đạo NTT kê không toàn bộ giá trị hàng hóa, dịch vụ đầu vào xấp xỉ bằng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không bán ra trong kỳ, sao cho trong quá trình hoạt động, Công ty AJ và Công ty AK có phát sinh lợi nhuận, có nộp thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối với việc báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, DTH chỉ đạo NTT kê khai báo cáo đúng tình trạng sử dụng, hủy bỏ của hóa đơn để làm căn cứ các hóa đơn GTGT ghi không bán ra đủ điều kiện được kê khai báo cáo khấu trừ thuế GTGT.

Ngoài việc giao cho NTT quản lý các con dấu của 02 Công ty AJ và Công ty AK, DTH còn nhờ NTT giữ hộ 02 bộ dấu gồm dấu tròn và dấu chức danh Giám đốc của 02 Công ty gồm: Công ty AI, MST: 0200820546 và Công ty AL, MST: 0201593416. Cơ quan điều tra đã xác định 02 bộ dấu của Công ty AL và Công ty AI là của BC, sinh năm 1962, HKTT: BD, BE, Hải Dương, là vật chứng của một vụ án do Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hải Phòng thụ lý, hiện đã kết thúc điều tra.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5-2019 đến tháng 12-2020 DTH đã bán trái phép hóa đơn của 02 Công ty, cụ thể như sau:

- + Công ty AJ phát sinh doanh thu từ tháng 5-2019 đến tháng 10-2020 bán trái phép tổng số 1.232 tờ hóa đơn GTGT, ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 143.657.071.922 đồng.

- + Công ty AK phát sinh doanh thu từ tháng 3-2020 đến tháng 12-2020 bán trái phép 826 tờ hóa đơn GTGT, ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 43.018.914.963 đồng.

Như vậy DTH đã bán trái phép tổng cộng 2.058 tờ hóa đơn GTGT ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa tính thuế là: 186.675.986.885 đồng, thu được số tiền là 578.695.559 đồng, sử dụng nộp thuế GTGT và thuế TNDN cho 02 Công ty: 299.320.862 đồng, trả tiền mua 02 Công ty: 100.000.000 đồng, trả lương cho NTT: 3.000.000 đồng/tháng = 60.000.000 đồng, mua văn phòng phẩm: 6.000.000 đồng, trả tiền xe ôm, xe khách, Bưu điện: 3.000.000 đồng, trả tiền mua hóa đơn điện tử cho Công ty AK: 1.350.000 đồng và đã thu lợi bất chính số tiền: 109.024.697 đồng, đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của NVT:

Khoảng tháng 5-2020 NVT mua lại Công ty AP, MST: 0202021651, trụ sở: BF, BG, C, Hải Phòng do BH, sinh năm 1958, hộ khẩu thường trú: BI, Hải Phòng là Giám đốc và Công ty TNHH BJ (viết tắt là Công ty BJ), MST: 0202021644, trụ sở: Số BK, thị trấn C, huyện C, Hải Phòng do BL, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: BI, Hải Phòng là Giám đốc của một người đàn ông tên BM (hiện không rõ nhân thân và lai lịch) với giá 70 triệu đồng/01 công ty với điều kiện NVT phải trả thêm khoản tiền BM đã chi trước đó là tiền đặt in hóa đơn và được BM giao tài liệu của các công ty gồm: 01 dấu tròn Công ty, 01 dấu chức danh Giám đốc, 01 con dấu chữ ký Giám đốc, 01 USB Token, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quyền hóa đơn GTGT còn nguyên 03 liên chưa viết nội dung trong đó đã được ký chữ ký Giám đốc và đóng dấu Công ty, một số quyền séc rút tiền đã được ký, đóng dấu trước. Từ tháng 7-2020 NVT bắt đầu bán trái phép hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của hai công ty trên cho các đối tượng mua theo cách thức chỉ liên hệ với nhau qua điện thoại hoặc các phần mềm mạng xã hội để cung cấp thông tin cần ghi không; giao nhận tài liệu, tiền mặt qua xe ôm, xe khách, Bưu điện, không gặp mặt trực tiếp. Hàng tháng, NVT thống nhất với người mua hóa đơn sẽ cộng tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn đã mua bán trong tháng để thanh toán tiền mua bán trái phép hóa đơn với giá 0,25% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn. Người mua hóa đơn gửi tiền được đóng trong phong bì thư dán kín trả cho NVT qua xe ôm, xe khách hoặc Bưu điện.

Từ tháng 7-2020 đến tháng 02-2021 NVT thuê và chỉ đạo NTHL viết nội dung hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ hoặc chuyển quyền hóa đơn cho người mua tự viết tùy theo yêu cầu của người mua. Để hợp thức hóa hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa, dịch vụ, NVT và người mua thỏa thuận NVT gửi giấy A4 để trống được ký, đóng dấu cho người mua để tự in các tài liệu như Hợp đồng mua bán hàng hóa, Phiếu báo giá, Phiếu xuất kho, Biên bản bàn giao hàng hóa, đồng thời người mua hóa đơn chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng công ty mua đến tài khoản Ngân hàng công ty bán như thanh toán tiền mua hàng hóa có thật để lấy chứng từ thanh toán, sau đó dùng séc, giấy rút tiền, giấy giới thiệu đã được ký, đóng dấu để trống phần nội dung của hai công ty trên do NVT cung cấp để rút số tiền đã chuyển khoản về.

Để duy trì hoạt động của các công ty và đối phó sự kiểm tra của các cơ quan chức năng, NVT kê khai báo cáo thuế cho các công ty thông qua trang Web điện tử của Tổng cục thuế. Đến kỳ kê khai thuế NVT cộng tổng giá trị hàng hóa dịch vụ ghi không trên hóa đơn bán ra trong kỳ, tính giá trị hàng hóa dịch vụ mua vào xấp xỉ bằng tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra rồi nhập không số liệu trên vào các mục của tờ khai điện tử để kê khai. NVT thỏa thuận với người mua hóa đơn, khi chuyển khoản như thanh toán hàng hóa dịch vụ có thật và rút tiền đã chuyển khoản về, người mua hóa đơn sẽ để lại một khoản tiền trong tài khoản Ngân hàng cho công ty của NVT nộp thuế, số tiền này được NVT trừ vào tiền mua hóa đơn mà người mua phải trả.

Đến tháng 02-2021 NVT dừng việc hoạt động mua bán trái phép hóa đơn nên đã vứt, hủy bỏ các tang vật liên quan đến hành vi phạm tội như máy tính sử dụng để kê khai thuế, con dấu, hóa đơn, đăng ký thành lập doanh nghiệp, USB Token của hai công ty trên.

Trong khoảng thời gian từ tháng 7-2020 đến tháng 02-2021 NVT đã bán trái phép hóa đơn của hai công ty, cụ thể như sau:

- Công ty AP phát sinh doanh thu từ tháng 7-2020 đến hết tháng 02-2021 bán trái phép 1.969 tờ hóa đơn GTGT ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 459.953.913.258 đồng chưa tính thuế.

- Công ty BJ phát sinh doanh thu từ tháng 8-2020 đến hết tháng 02-2021 bán trái phép 1.947 tờ hóa đơn GTGT ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 422.919.296.460 đồng chưa tính thuế.

Như vậy NVT đã bán trái phép tổng cộng 3.916 tờ hóa đơn GTGT ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa tính thuế là 882.873.209.718 đồng, trong đó bán cho NTHL tổng 10 tờ hóa đơn với giá 0,5%, còn lại bán cho người khác với giá 0,25% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn. NVT thu được từ việc bán trái phép hóa đơn GTGT cho NTHL số tiền 11.100.000 đồng, thu được từ việc bán cho người khác số tiền 2.201.000.000 đồng. Tổng số tiền NVT thu được từ việc bán trái phép hóa đơn là 2.212.100.000 đồng, sử dụng nộp thuế GTGT và thuế TNDN cho hai công ty số tiền 1.573.109.973 đồng, mua hai công ty số tiền 140.000.000 đồng, trả tiền in hóa đơn số tiền 14.300.000 đồng, trả lương cho NTHL 02 triệu đồng/tháng = 16.000.000 đồng, chi mua văn phòng phẩm số tiền 10.000.000 đồng. Thu lợi bất chính số tiền 458.690.027 đồng, NVT đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Về hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của TVT:

Từ khoảng tháng 12-2018 đến tháng 01-2021 TVT mua của một người phụ nữ tên NTT (hiện không rõ nhân thân và lai lịch) 04 công ty để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ, cụ thể: Tháng 12-2018 mua Công ty TNHH BN (viết tắt Công ty BN), MST: 0201317920, trụ sở: Số BO, AS, Hải Phòng do BP, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Thôn BQ, AC, Hải Phòng là Giám đốc với giá 70 triệu đồng, với thỏa thuận NTT để lại tất cả nguồn khách mua hóa đơn trước đây để TVT tiếp tục bán hóa đơn trái phép bằng cách giới thiệu để người mua tự liên lạc với TVT khi có nhu cầu. Tháng 01-2019 mua Công ty AO, MST: 0201725091, trụ sở: Số BR, AS, Hải Phòng do BS, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: BT, Tụ BM, AC, Hải Phòng là Giám đốc với giá 30 triệu đồng. Tháng 02-2020 mua Công ty AN, MST: 0201720625, trụ sở: Số BU, AS, Hải Phòng do BV, sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú: số BW, BX, AS, Hải Phòng là Giám đốc với giá 40 triệu đồng. Tháng 01-2021 mua Công ty AM, MST: 0201314045, trụ sở: Tổ BY, phường BZ, CA, Hải Phòng do CB, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: Thôn CC, BD, BE, Hải Dương là Giám đốc với giá 40 triệu đồng. NTT giao cho TVT các tài liệu, đồ vật của các Công ty gồm: Giấy

chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, thông báo phát hành hóa đơn, dấu tròn, dấu chức danh, dấu chữ kí Giám đốc, các quyền hóa đơn chưa sử dụng, USB Token để kê khai báo cáo thuế.

TVT bắt đầu bán trái phép hóa đơn GTGT của bốn công ty trên từ tháng 12-2018 đến hết tháng 02-2021 với giá 1,15% giá trị tiền thuế GTGT ghi không trên hóa đơn. Người mua hóa đơn liên lạc với TVT qua các phần mềm mạng xã hội để gửi thông tin cần ghi trên hóa đơn GTGT và giao nhận hóa đơn, tài liệu, tiền đều qua xe ôm, xe khách hoặc Bưu điện. TVT thuê CD (hiện không rõ nhân thân và lai lịch) để viết hóa đơn và kê khai báo cáo thuế theo chỉ đạo của TVT. Khi cần xuất bán hóa đơn TVT giao quyền hóa đơn và chỉ đạo CD viết nội dung hóa đơn theo yêu cầu của người mua. Do các Công ty trên không có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ nên khi kê khai thuế, đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra, TVT yêu cầu CD cộng tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ đã ghi trên hóa đơn tại các liên lưu để lấy số liệu kê khai đầu ra, sau đó TVT tự đưa ra giá trị hàng hóa, dịch vụ đầu vào sao cho xấp xỉ bằng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không bán ra để cho CD kê khai.

TVT và người mua hóa đơn bàn bạc hợp thức hóa các hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ đã mua bán trái phép bằng cách người mua tự in nội dung tài liệu Hợp đồng mua bán, phiếu báo giá, bảng kê chi tiết hàng hóa, biên bản bàn giao hàng hóa, phiếu xuất kho... lên các tờ giấy A4 để trống được ký không (một phần do TVT tự ký giả chữ ký Giám đốc, một phần TVT chỉ đóng dấu để người mua tự ký giả chữ ký Giám đốc) do TVT cung cấp.

Về việc hợp thức hóa chứng từ thanh toán, từ tháng 02-2019 đến tháng 10-2019 TVT bán trái phép hóa đơn của Công ty AO và thỏa thuận người mua hóa đơn thực hiện chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng của công ty mua đến tài khoản Ngân hàng của công ty bán với nội dung “thanh toán tiền hàng”, sau đó TVT thuê người tại các điểm giao dịch Ngân hàng sử dụng séc, giấy rút tiền, giấy giới thiệu của Công ty AO rút tiền ra để gửi trả lại người mua. Theo tài liệu điều tra xác định trong khoảng thời gian nói trên, TVT đã nhờ NTHL thực hiện rút tổng cộng 88 lần từ tài khoản Ngân hàng của Công ty AO. Thời gian sau TVT gửi séc, giấy rút tiền, giấy giới thiệu đã được ký, đóng dấu để trống phần nội dung để người mua sau khi chuyển khoản có thể tự rút số tiền vừa chuyển khoản ra.

Tháng 01-2021, TVT bán 17 tờ hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ trị giá 4.511.791.051 đồng của Công ty AO, Công ty AN và Công ty AM cho NTT với giá 1,2% giá trị thuế ghi không trên hóa đơn thu lợi 5.400.000 đồng. TVT cho các tài liệu gồm hóa đơn và giấy A4 để trống ký không vào phong bì dán kín gửi cho NTT qua xe ôm, một số lần TVT gửi tại nhà vợ cũ của mình là NLC2, sinh năm 1987, HKTT: G, H, I, Hải Phòng, để nhờ NLC2 chuyển cho NTT.

Đến tháng 02-2021, TVT dừng việc hoạt động mua bán trái phép hóa đơn và đã hủy bỏ toàn bộ tài liệu, hóa đơn của bốn công ty trên.

Trong khoảng thời gian từ tháng 12-2019 đến tháng 02-2021 TVT đã bán trái phép hóa đơn của bốn công ty, cụ thể như sau:

- Công ty BN phát sinh doanh thu từ tháng 12-2018 đến tháng 11-2020 bán trái phép tổng số 2.041 tờ hóa đơn GTGT, ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 553.290.248.562 đồng chưa tính thuế.

- Công ty AO phát sinh doanh thu từ tháng 02-2019 đến tháng 12-2020 bán trái phép tổng số 2.150 tờ hóa đơn GTGT, ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 418.799.981.812 đồng chưa tính thuế.

- Công ty AN phát sinh doanh thu từ tháng 02-2020 đến tháng 12-2020 bán trái phép tổng số 277 tờ hóa đơn GTGT, ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 105.459.549.130 đồng chưa tính thuế.

- Công ty AM phát sinh doanh thu từ tháng 01-2021 đến tháng 02-2021 bán trái phép tổng số 14 tờ hóa đơn GTGT, ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 12.063.870.917 đồng chưa tính thuế.

Như vậy TVT đã bán trái phép tổng cộng 4482 tờ hóa đơn GTGT ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa tính thuế là: 1.089.613.650.421 đồng, trong đó bán cho NTT 17 tờ hóa đơn với giá 1,2% còn lại bán cho người khác với giá 1,15% giá trị tiền thuế GTGT ghi không. TVT đã thu được từ việc bán cho NTT số tiền 5.400.000 đồng; thu được từ việc bán cho người khác số tiền 1.247.867.138 đồng. Tổng số tiền TVT thu được từ việc bán trái phép hóa đơn là 1.253.267.138 đồng, sử dụng nộp thuế GTGT và thuế TNDN, thuế môn bài cho bốn công ty số tiền 845.749.137 đồng, trả tiền mua bốn công ty số tiền 180.000.000 đồng, trả lương cho CD số tiền 02 triệu đồng/tháng từ tháng 12-2018 đến tháng 02-2021 = 30.000.000 đồng, mua văn phòng phẩm số tiền 6.000.000 đồng, trả tiền xe ôm, xe khách, Bưu điện số tiền 3.000.000 đồng, trả tiền đặt in hóa đơn cho bốn công ty hết 34.600.000 đồng. TVT đã thu lợi bất chính được số tiền 153.918.001 đồng và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Về hành vi mua bán trái phép hóa đơn của NTT:

Quá trình điều tra, chứng minh được NTT là kế toán có vai trò đồng phạm, giúp sức DTH mua bán trái phép 2058 hóa đơn của Công ty AJ, Công ty AK, thực hiện các việc cụ thể như: Kê khai báo cáo thuế, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, viết không nội dung hàng hóa, dịch vụ, ký giả chữ ký Giám đốc lên các hóa đơn, chứng từ, tài liệu của hai công ty. Về việc giao dịch, thỏa thuận giá cả, cách thức với người mua hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ, DTH không cho NTT biết. Từ tháng 5-2019 đến tháng 12-2020, NTT được DTH trả lương tổng số tiền là 60.000.000 đồng.

Ngoài việc đồng phạm cùng DTH nói trên, NTT còn trực tiếp mua hóa đơn GTGT của NTHL, TVT để bán lại kiếm lợi, cụ thể như sau:

- Về hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của Công ty AP:

Tháng 01-2021, NTT liên hệ với NTHL để mua hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ, NTT chuyển cho NTHL các nội dung mà người đặt mua hóa đơn yêu cầu qua các phần mềm mạng xã hội như Zalo, Viber, Telegram ... theo

thỏa thuận, NTHL chuyển cho NTT các tài liệu gồm hóa đơn GTGT đã viết nội dung, các tờ giấy A4 để trống ký không, séc, giấy rút tiền, giấy giới thiệu, sau khi nhận được các tài liệu trên, NTT chuyển trước cho người mua hóa đơn qua xe ôm các tờ giấy A4 để trống ký không, séc, giấy rút tiền, giấy giới thiệu và thu tiền mặt trị giá 1,6% để trả cho NTHL số tiền bằng 1,4% đều tính theo giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn. Từ tháng 01-2021 đến hết tháng 02-2021 NTT mua của NTHL tổng cộng 10 tờ hóa đơn GTGT của Công ty AP, giá trị ghi không hàng hóa, dịch vụ là 2.222.407.500 đồng, thu của người mua hóa đơn số tiền mặt xấp xỉ $1,6\% = 35.600.000$ đồng; đã trả cho NTHL xấp xỉ $1,4\% = 31.100.000$ đồng, thu lợi số tiền 4.500.000 đồng.

- Về hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của Công ty AN, Công ty AO, Công ty AM:

Do người mua hóa đơn có yêu cầu ghi lùi ngày phát hành trên hóa đơn nên từ tháng 01-2021, NTT đã liên lạc với TVT để mua hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của Công ty AN, Công ty AO, Công ty AM. NTT gửi thông tin cần ghi không cho TVT qua phần mềm Zalo và thỏa thuận cách thức giao nhận tài liệu, tiền mua bán hóa đơn tương tự như với NTHL. Sau khi TVT giao cho NTT các tài liệu, giấy tờ gồm: Hóa đơn GTGT, giấy A4 để trống ký không, séc, giấy rút tiền, giấy giới thiệu, NTT chuyển trước cho người mua hóa đơn gồm giấy A4 để trống ký không, séc, giấy rút tiền, giấy giới thiệu và thu tiền của người mua trước một phần số tiền mua bán trái phép, khi nào người mua trả hết tiền thì NTT mới giao hóa đơn GTGT. Từ tháng 01-2021 đến tháng 02-2021 NTT mua của TVT tổng cộng 17 tờ hóa đơn GTGT của ba công ty: AN, AO và AM ghi không hàng hóa, dịch vụ trị giá 4.511.791.051 đồng với giá xấp xỉ 1,2% và bán với giá xấp xỉ 4,5% giá trị thuế ghi không trên hóa đơn. NTT đã nhận trước của người mua hóa đơn số tiền 15.000.000 đồng, trả cho TVT 5.400.000 đồng và thu lợi được số tiền 9.600.000 đồng.

Quá trình mua hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ để bán lại nhằm thu lợi bất chính, NTT đã thỏa thuận với NTHL và TVT về cách thức hợp thức hóa hóa đơn GTGT được mua bán trái phép như sau: Bên bán chuyển cho bên mua giấy A4 để trống ký không để in nội dung các tài liệu như Hợp đồng mua bán, Phiếu báo giá, Phiếu xuất kho, Biên bản bàn giao hàng hóa; về chứng từ thanh toán, người mua hóa đơn chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng công ty mua đến tài khoản Ngân hàng công ty bán như thanh toán tiền mua hàng hóa có thật sau đó sử dụng séc, giấy rút tiền, giấy giới thiệu đã được ký, đóng dấu để trống phần nội dung do bên bán cung cấp để rút số tiền đã chuyển khoản về. Tại Cơ quan điều tra, NTT trình bày các đối tượng mua hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của NTT đều không gặp mặt trực tiếp và không biết rõ nhân thân, lai lịch.

Như vậy quá trình NTT giúp sức mua bán trái phép 2058 hóa đơn cho DTH và mua đi bán lại 27 hóa đơn GTGT với NTHL và TVT. Tổng cộng NTT được lời số tiền 74.100.000 đồng.

Về hành vi mua bán trái phép hóa đơn của NTHL:

Từ tháng 7-2020 đến hết tháng 02-2021 NTHL được NVT thuê làm công việc Kế toán viết hóa đơn ghi khống hàng hóa, dịch vụ của Công ty AP và Công ty BJ, được trả lương 02 triệu đồng/tháng, tổng cộng được 16.000.000 đồng. Khi có yêu cầu viết hóa đơn GTGT ghi khống nội dung hàng hóa, dịch vụ, NVT chỉ đạo NTHL qua điện thoại hoặc các phần mềm mạng xã hội và cho xe ôm mang các quyển hóa đơn đã được ký, đóng dấu tại mục “Thủ trưởng đơn vị” đến để NTHL viết nội dung và chuyển lại cho NVT, việc NVT thỏa thuận, bàn bạc với người mua hóa đơn về giá, phương thức giao dịch NTHL không được NVT cho biết. Trong thời gian trên, NVT chỉ đạo NTHL trực tiếp viết 99 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung hàng hóa, dịch vụ (gồm 53 tờ của Công ty AP và 46 tờ của Công ty BJ). Tháng 01-2021 do NTT có nhu cầu mua hóa đơn ghi khống hàng hóa, dịch vụ nên NTHL đã xin ý kiến và được NVT đồng ý cho NTHL bán hóa đơn GTGT của Công ty AP với điều kiện NTHL phải trả cho NVT số tiền bằng 0,5% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên hóa đơn. Từ tháng 01-2021 đến hết tháng 02-2021, NTHL mua tổng cộng 10 tờ hóa đơn GTGT của Công ty AP (09 tờ do NTHL trực tiếp viết nội dung, thuộc trong 99 tờ hóa đơn nói trên) và trả cho NVT số tiền 11.100.000 đồng, sau đó bán lại cho NTT xấp xỉ 1,4% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên hóa đơn là 31.100.000 đồng, thu lợi số tiền 20.000.000 đồng.

Như vậy NTHL thu lời bất chính từ việc giúp sức mua bán trái phép hóa đơn cho NVT và mua 10 số hóa đơn của NVT rồi bán lại cho NTT. Tổng cộng thu lợi số tiền là 36.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã tiến hành khám xét nơi ở của DTH, NVT, TVT và NTHL; kết quả không thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã tiến hành giám định chữ viết, chữ ký trên các hóa đơn đã thu được, thể hiện:

Kết luận giám định số 2664/C09-P5 ngày 15-4-2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chữ viết trên hóa đơn giá GTGT liên 2 số 0002093 ngày 30-01-2021 của Công ty AP là do NTHL viết.

Kết luận giám định số 205/KLGD-PC09 ngày 18-11-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự CATP Hải Phòng kết luận:

- Chữ viết nội dung hóa đơn, chữ ký “Nguyễn Thị Thơ” tại mục “Người bán hàng”, chữ ký “AW” tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên hóa đơn GTGT liên 2 số 22 ngày 02-5-2020, số 31 ngày 07-5-2020 của Công ty AK do NTT ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Văn Sơn” tại mục “Người bán hàng” hóa đơn GTGT liên 2 số 150 ngày 08-02-2021 của Công ty AM, “Nguyễn Thị My” tại mục “Người bán hàng” hóa đơn GTGT liên 2 số 041 ngày 12-11-2020 của Công ty AN; “Vũ Thanh Tùng” tại mục “Người bán hàng” hóa đơn GTGT liên 2 số 1139 ngày 21-6-2020 của Công ty BN do TVT ký, viết ra;

Quá trình điều tra, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, cụ thể: NVT nộp 120.000.000 đồng, TVT nộp 111.500.000 đồng; DTH nộp 50.000.000 đồng; NTT nộp 20.000.000 đồng và NTHL nộp 15.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công

an quận Hồng Bàng đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản tạm giữ của Công an quận Hồng Bàng tại Kho bạc nhà nước quận Hồng Bàng.

Về vật chứng: Toàn bộ hóa đơn, chứng từ, con dấu, tài liệu khác thu giữ (có bảng kê kèm theo) chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.

Cáo trạng số 03/CT-VKSHB ngày 31-12-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo NVT, TVT và DTH về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo NTT và NTHL về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng; Kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an và Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng; vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo NVT từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án phạt tù. Khi thi hành án bị cáo được trừ 09 (chín) ngày bị tạm giữ (từ ngày 17-6-2021 đến ngày 26-6-2021).

Phạt bổ sung bị cáo NVT số tiền từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng sung Ngân sách nhà nước.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo TVT từ 260.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo DTH từ 240.000.000 đồng đến 260.000.000 đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo NTT từ 220.000.000 đồng đến 240.000.000 đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo NTHL từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo: TVT, DTH, NTT và NTHL.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Về thu lợi bất chính: Trong giai đoạn điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử, các bị cáo: NVT đã tự nguyện nộp số tiền 120.000.000 đồng, TVT nộp 285.500.000 đồng; DTH nộp 154.000.000 đồng; NTT nộp 120.000.000 đồng và NTHL nộp 115.000.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được các bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn với số tiền cụ thể: Bị cáo NVT 458.690.027 đồng; bị cáo TVT 153.918.001 đồng; bị cáo DTH 109.024.697 đồng; bị cáo NTT 74.100.000 đồng và bị cáo NTHL 36.000.000 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền đã thu giữ của các bị cáo và buộc các bị cáo phải nộp tiếp số tiền còn thiếu.

+ Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quyền hóa đơn GTGT số 31 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P của Công ty BJ từ số 0001501 đến số 0001550; 01 quyền hóa đơn GTGT số 33 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P của Công ty BJ từ số 0001601 đến số 0001650; 01 quyền hóa đơn GTGT số 30 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P của Công ty AP từ số 0001501 đến số 0001550; 01 quyền hóa đơn GTGT số 31 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P của Công ty BN từ số 0000654 đến số 0000700;

- Trả lại Cơ quan điều tra - Công an quận Hồng Bàng để tiếp tục điều tra: 01 dấu tròn Công ty AP; 01 dấu Giám đốc BH; 02 dấu tròn của hai công ty gồm: Công ty AJ và Công ty AK; 01 dấu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị AT; 04 dấu chức danh Giám đốc gồm: Trần Văn Tốt, Nguyễn Đình Hưng, AW và Đặng Văn Thắng.

- Chuyển lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng 02 dấu tròn của 02 công ty gồm: Công ty AI và Công ty AL để tiếp tục điều tra làm rõ.

+ Về án phí: Các bị cáo đều phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Đối với NLC1 là người được DTH nhờ rút tiền từ tài khoản Ngân hàng các công ty do DTH quản lý, điều hành, NLC1 không biết mục đích của việc rút tiền, chưa đủ căn cứ xác định NLC1 đồng phạm, giúp sức DTH thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với NLC2 là người được TVT gửi phong bì tài liệu để chuyển cho NTT, NLC2 không biết bên trong có tài liệu là gì, chưa đủ căn cứ xác định NLC2 đồng phạm, giúp sức TVT thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối hành vi của bị can NTHL trong việc 88 lần đi rút tiền giúp TVT, NTHL không biết mục đích của việc rút tiền, không đủ căn cứ xác định NTHL đồng phạm, giúp sức TVT thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan điều tra không tiến hành xử lý.

- Đối với các cá nhân đứng tên Giám đốc công ty, chưa xác định được có hay không việc đồng phạm giúp sức trong hoạt động thành lập công ty, mua bán trái phép hóa đơn, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục thu thập tài liệu, điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với các đối tượng có tên: “AZ”, “BA” và “BB” đã mua hóa đơn của DTH; các cá nhân mua hóa đơn của NVT và TVT hiện tài liệu điều tra chưa xác định được nhân thân và lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục thu thập tài liệu, điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với các đối tượng có tên: “AY”, “BM ” và “NTT” là những người đã bán công ty cho DTH, NVT và TVT. “CD” là người viết hóa đơn, kê khai thuế giúp TVT, hiện tài liệu điều tra chưa xác định được nhân thân và lai lịch, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục thu thập tài liệu, điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với 23 công ty sử dụng hóa đơn GTGT của 08 công ty trên để kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào, căn cứ tài liệu điều tra, hiện chưa xác định được hành vi vi phạm của các công ty này, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục thu thập tài liệu, điều tra làm rõ xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng và Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Tại phiên tòa, người làm chứng là chị NLC1 và chị NLC2 đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; các bị cáo và Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người làm chứng do trước đó những người này đều đã có lời khai tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với người làm chứng.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, các Kết luận giám định, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận:

Từ khoảng tháng 5-2019 đến tháng 12-2020, DTH đã bán trái phép 2.058 tờ hóa đơn GTGT ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa tính thuế là:

186.675.986.885 đồng, thu lợi bất chính số tiền 109.024.697 đồng; NTT đồng phạm cùng DTH thực hiện bán trái phép 2.058 tờ hóa đơn GTGT ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 186.675.986.885 đồng, ngoài ra trực tiếp mua bán trái phép tổng cộng 27 tờ hóa đơn GTGT ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 6.734.198.551 đồng. Tổng cộng Thu đã thu lợi bất chính số tiền 74.100.000 đồng.

Từ khoảng tháng 5-2020 đến tháng 02-2021 NVT đã bán trái phép tổng cộng 3.916 tờ hóa đơn GTGT ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa tính thuế là: 882.873.209.718 đồng, thu lợi bất chính 458.690.027 đồng. NTHL đồng phạm giúp sức cho NVT thực hiện bán trái phép 89 tờ hóa đơn GTGT ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 42.036.091.309 đồng, trực tiếp mua hóa đơn GTGT của NVT rồi bán trái phép cho NTT 10 tờ hóa đơn GTGT ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 2.222.407.500 đồng và đã thu lợi bất chính số tiền 36.000.000 đồng.

Từ khoảng tháng 12-2018 đến tháng 02-2021 TVT bán trái phép tổng cộng 4.482 tờ hóa đơn GTGT ghi không tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa tính thuế là: 1.089.613.650.421 đồng, thu lợi bất chính số tiền 153.918.001 đồng.

Trong vụ án này, bị cáo NTT đã có hành vi đồng phạm giúp sức cho bị cáo DTH; Nguyễn Thị Lan đã có hành vi đồng phạm giúp sức cho NVT trong việc Mua bán trái phép hóa đơn; bị cáo TVT có hành vi độc lập trong việc mua bán trái phép hóa đơn. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã truy tố đối với các bị cáo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước và gây mất trật tự trị an. Vì vậy, phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

- Về tính tiết định khung hình phạt:

[5] Các bị cáo NVT, TVT và DTH đều đã có hành vi bán trên 30 tờ hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa và đều thu lợi bất chính số tiền trên 100.000.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo: NVT, TVT và DTH đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo NTHL và NTT đã có hành vi mua bán trên 30 tờ hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa và đều thu lợi bất chính số tiền dưới 100.000.000 đồng nên đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội và đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính; bị cáo NVT, TVT và DTH đã tự ra đầu thú nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo NTT đã tự ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo TVT, DTH, NTT và NTHL đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo NVT nhân thân đã có một tiền án về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về vai trò của các bị cáo trong vụ án và áp dụng hình phạt: Vụ án có đồng phạm, do đó cần phân hóa vai trò của các bị cáo để có căn cứ áp dụng hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và vai trò của các bị cáo.

[8] Trong vụ án, các bị cáo: NVT và DTH đều là người trực tiếp chỉ đạo và điều hành việc xuất bán trái phép hóa đơn GTGT. Bị cáo TVT thực hiện hành vi độc lập trong việc xuất bán trái phép hóa đơn. Các bị cáo NTT và NTHL chỉ là người được bị cáo NVT và DTH thuê làm công việc viết khống hóa đơn và chỉ được nhận trả tiền công hàng tháng. Mặt khác, số tiền hưởng lợi bất chính của các bị cáo NVT, TVT và DTH cũng là lớn so với các đồng phạm nên các bị cáo NVT, TVT và DTH có vai trò chính trong vụ án.

[9] Bị cáo NTT được bị cáo DTH thuê làm công việc kế toán, chịu sự điều hành trực tiếp của bị cáo DTH trong việc xuất bán trái phép hóa đơn và được bị cáo DTH trả tiền công hàng tháng từ việc mua bán hóa đơn. Ngoài ra bị cáo NTT còn trực tiếp mua đi bán lại 27 hóa đơn GTGT với NTHL và TVT nên bị cáo NTT có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo DTH. Bị cáo NTHL đồng phạm giúp sức cho bị cáo NVT bán trái phép 99 tờ Hóa đơn. Do vậy cần đánh giá tính chất, mức độ của hành vi của bị cáo NTT là thấp hơn bị cáo DTH và cao hơn so với bị cáo NTHL.

[10] Xét thấy, các bị cáo TVT, DTH, NTT và NTHL có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đều chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; tại giai đoạn chuẩn bị xét xử các bị cáo đều đã nộp tiền vào Cơ quan Thi hành án dân sự và giao nộp cho Tòa án các biên lai thu nộp tiền để chứng minh có khả năng thi hành hình phạt chính là phạt tiền; cụ thể: Bị cáo TVT đã nộp số tiền 174.000.000 đồng; bị cáo DTH nộp 104.000.000 đồng; bị cáo NTT và bị cáo NTHL đều nộp mỗi người số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo mà không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tính răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[11] Còn đối với bị cáo NVT nhân thân đã có tiền án về tội Mua bán trái phép hóa đơn chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này cần phải xử lý nghiêm, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét, đánh giá khi lượng hình vi lần phạm tội này số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 458.690.027 đồng, nhỏ hơn rất nhiều so với số tiền thu lợi bất chính đã xác định trong vụ án trước là 7.109.666.976 đồng (Bản án số 59/2015/HSST ngày 23-4-2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng).

[12] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo TVT, DTH, NTHL và NTT đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ

sung đối với các bị cáo. Còn đối với bị cáo NVT cần áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

- Về các vấn đề khác:

[13] Về thu lợi bất chính: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã chứng minh được số tiền thu lợi bất chính của từng bị cáo như sau: Bị cáo NVT: 458.690.027 đồng; bị cáo TVT: 153.918.001 đồng; bị cáo DTH: 109.024.697 đồng; bị cáo NTT: 74.100.000 đồng và bị cáo NTHL: 36.000.000 đồng. Do vậy cần buộc các bị cáo phải nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính nêu trên để sung vào ngân sách Nhà nước. Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo đã nộp lại một phần để khắc phục hậu quả; cụ thể: Bị cáo NVT: 120.000.000 đồng, bị cáo TVT: 111.500.000 đồng; bị cáo DTH: 50.000.000 đồng; bị cáo NTT: 20.000.000 đồng và bị cáo NTHL: 15.000.000 đồng. Vì vậy, cần buộc các bị cáo phải nộp tiếp số tiền còn thiếu.

[14] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý các vật chứng, cụ thể như sau:

- Đối với: 01 quyền hóa đơn GTGT số 31 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P của Công ty BJ từ số 0001501 đến số 0001550; 01 quyền hóa đơn GTGT số 33 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P của Công ty BJ từ số 0001601 đến số 0001650; 01 quyền hóa đơn GTGT số 30 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P của Công ty AP từ số 0001501 đến số 0001550; 01 quyền hóa đơn GTGT số 31 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P của Công ty BN từ số 0000654 đến số 0000700; là những chứng từ khống, không có hàng hóa, dịch vụ thực tế nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 dấu tròn Công ty AP; 01 dấu Giám đốc BH; 02 dấu tròn của hai công ty gồm: Công ty AJ và Công ty AK; 01 dấu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị AT; 04 dấu chức danh Giám đốc gồm: Trần Văn Tốt, Nguyễn Đình Hưng, AW và Đặng Văn Thắng. Đây là những đồ vật liên quan đến việc Cơ quan điều tra - Công an quận Hồng Bàng đang tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ việc có hay không các cá nhân đứng tên Giám đốc Công ty, có đồng phạm giúp sức trong hoạt động thành lập Công ty, mua bán trái phép hóa đơn của các bị cáo trong vụ án nên cần trả lại cho Cơ quan điều tra - Công an quận Hồng Bàng để tiếp tục thu thập tài liệu, điều tra làm rõ xử lý sau.

- Còn đối với 02 dấu tròn của Công ty AI và Công ty Vinh Hà được Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng thu giữ khi tiến hành khám xét nhà của bị cáo NTT. Bị cáo NTT khai là do DTH gửi nhờ NTT cất giữ hộ. Quá trình điều tra xác định là của BC (bố chồng của DTH), sinh năm 1962, HKTT: BD, BE, Hải Dương, là vật chứng của một vụ án do Cơ quan An ninh điều tra - Công an thành phố Hải Phòng thụ lý, hiện đã kết thúc điều tra nên cần chuyển trả lại cho Cơ quan điều tra - Công an quận Hồng Bàng để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý.

[15] Đối với NLC1 là người được DTH nhờ rút tiền từ tài khoản Ngân hàng các công ty do DTH quản lý, điều hành; NLC1 không biết mục đích của việc rút tiền, chưa đủ căn cứ xác định NLC1 đồng phạm, giúp sức DTH thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[16] Đối với NLC2 là người được TVT gửi phong bì tài liệu để chuyển cho NTT, NLC2 không biết bên trong có tài liệu là gì, chưa đủ căn cứ xác định NLC2 đồng phạm, giúp sức cho TVT thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[17] Đối hành vi của bị can NTHL trong việc đi rút tiền giúp TVT (88 lần), NTHL không biết mục đích của việc rút tiền, không đủ căn cứ xác định bị can NTHL đồng phạm, giúp sức TVT thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan điều tra không tiến hành xử lý.

[18] Các cá nhân đứng tên Giám đốc Công ty, chưa xác định được có hay không việc đồng phạm giúp sức trong hoạt động thành lập Công ty và mua bán trái phép hóa đơn, Cơ quan điều tra tiếp tục thu thập tài liệu, điều tra làm rõ xử lý sau.

[19] Đối với các đối tượng có tên “AZ”, “BA”, “BB” mua hóa đơn của DTH và các cá nhân mua hóa đơn của NVT, TVT hiện tài liệu điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục thu thập tài liệu, điều tra làm rõ xử lý sau.

[20] Đối với các đối tượng có tên “AY” bán công ty cho DTH; “BM ” bán công ty cho NVT; “NTT” bán công ty cho TVT; “CD” viết hóa đơn, kê khai thuế giúp TVT, hiện tài liệu điều tra chưa xác định được nhân thân và lai lịch, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục thu thập tài liệu, điều tra làm rõ xử lý sau.

[21] Đối với 23 công ty sử dụng hóa đơn GTGT của tám công ty trên để kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào, căn cứ tài liệu điều tra, hiện chưa xác định được hành vi vi phạm của 23 công ty này nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục thu thập tài liệu, điều tra làm rõ xử lý sau.

[22] Về án phí: Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo NVT 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án phạt tù. Khi thi hành án bị cáo được trừ 09 (*chín*) ngày bị tạm giữ (từ ngày 17-6-2021 đến ngày 26-6-2021).

Phạt bổ sung bị cáo NVT số tiền 15.000.000 (*mười lăm triệu*) đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Phạt tiền bị cáo TVT số tiền 260.000.000 (*hai trăm sáu mươi triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Bị cáo đã nộp được số tiền 174.000.000 (*một trăm bảy mươi tư triệu*) đồng (theo Biên lai ký hiệu AA/2021, số 0005148 ngày 07-4-2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng) nên còn phải tiếp tục nộp số tiền là 86.000.000 (*tám mươi sáu triệu*) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Phạt tiền bị cáo DTH số tiền 240.000.000 (*hai trăm bốn mươi triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Bị cáo đã nộp được số tiền 104.000.000 (*một trăm linh tư triệu*) đồng (theo Biên lai ký hiệu AA/2021, số 0005161 ngày 14-4-2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng) nên còn phải tiếp tục nộp số tiền là 136.000.000 (*một trăm ba mươi sáu triệu*) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Phạt tiền bị cáo NTT số tiền 220.000.000 (*Hai trăm hai mươi triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Bị cáo đã nộp được số tiền 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng (theo Biên lai ký hiệu AA/2021, số 0005160 ngày 13-4-2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng) nên còn phải tiếp tục nộp số tiền là 120.000.000 (*một trăm hai mươi triệu*) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Phạt tiền bị cáo NTHL số tiền 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Bị cáo đã nộp được số tiền 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng (theo Biên lai ký hiệu AA/2021, số 0005150 ngày 12-4-2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng) nên còn phải tiếp tục nộp số tiền là 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với TVT, DTH, NTT và NTHL.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Buộc bị cáo NVT phải nộp lại số tiền thu lời bất chính là 458.690.027 (*bốn trăm năm mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn không trăm hai bảy*) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Trừ đi số tiền đã nộp là 120.000.000 (*một trăm hai mươi triệu*) đồng, nên bị cáo phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 338.690.027 (*ba trăm ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn không trăm hai bảy*) đồng.

- Buộc bị cáo TVT phải nộp lại số tiền thu lời bất chính là 153.918.001 (*một trăm năm mươi ba triệu chín trăm mười tám nghìn không trăm linh một*) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Trừ đi số tiền đã nộp là 111.500.000 (*một trăm mười một triệu năm trăm nghìn*) đồng, nên bị cáo phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 42.418.001 (*bốn mươi hai triệu bốn mươi tám nghìn không trăm linh một*) đồng.

- Buộc bị cáo DTH phải nộp lại số tiền thu lời bất chính là 109.024.697 (*một trăm linh chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm chín bảy*) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Trừ đi số tiền đã nộp là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng, nên bị cáo phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 59.024.697 (*năm mươi chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm chín bảy*) đồng.

- Buộc bị cáo NTT phải nộp lại số tiền thu lời bất chính là 74.100.000 (*bảy mươi tư triệu một trăm nghìn*) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Trừ đi số tiền

đã nộp là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, nên bị cáo phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 54.100.000 (năm mươi tư triệu một trăm nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo NTHL phải nộp lại số tiền thu lời bất chính là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Trừ đi số tiền đã nộp là 15.000.000 (mười năm triệu) đồng, nên bị cáo phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quyền hóa đơn GTGT số 31 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P của Công ty TNHH BJ từ số 0001501 đến số 0001550; 01 quyền hóa đơn GTGT số 33 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P của Công ty TNHH BJ từ số 0001601 đến số 0001650; 01 quyền hóa đơn GTGT số 30 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P của Công ty TNHH Thương mại AP từ số 0001501 đến số 0001550; 01 quyền hóa đơn GTGT số 31 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P của Công ty TNHH BN từ số 0000654 đến số 0000700.

- Trả lại Cơ quan điều tra - Công an quận Hồng Bàng: 01 dấu tròn Công ty TNHH Thương mại AP; 01 dấu Giám đốc BH; 04 dấu tròn của bốn công ty: Công ty Cổ phần AI, Công ty Cổ phần AJ, Công ty TNHH AK và Công ty TNHH AL; 01 dấu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị AT; 04 dấu chức danh Giám đốc gồm: Trần Văn Tốt, Nguyễn Đình Hưng, AW và Đặng Văn Thắng.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản bàn giao ngày 17-01-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng giữa Công an quận Hồng Bàng và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; và theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản số 04 lập ngày 18-01-2022 từ tài khoản Công an quận Hồng Bàng đến tài khoản Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng với số tiền là 316.500.000 đồng là tiền khắc phục hậu quả, thu lợi bất chính).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo: NVT, TVT, DTH, NTT và NTHL đều phải nộp mỗi người 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP. Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của các bị cáo;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

Nguyễn Quang Kiên